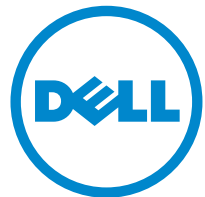


# Màn hình Dell P2217H/P2317H/ P2317HWH/P2417H/P2717H Hướng Dẫn Người Sử Dụng

Dòng máy: P2217H/P2317H/P2317HWH/P2417H/P2717H  
Dòng máy theo quy định: P2217Hb, P2217Hc, P2317Hb,  
P2317Ht, P2317HWHb, P2417Hb, P2417Hc, P2717Ht



# Chú ý, thận trọng và cảnh báo



**CHÚ Ý:** Thông tin CHÚ Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.



**THẬN TRỌNG:** Thông tin THẬN TRỌNG chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.



**CẢNH BÁO:** Thông tin CẢNH BÁO chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

-----  
**Bản quyền © 2016 Dell Inc. Đã đăng ký bản quyền.**

Sản phẩm này được bảo vệ bởi luật bản quyền và sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ và quốc tế. Dell™ và logo Dell là thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác. Tất cả các dấu hiệu và các tên khác được đề cập ở đây có thể là thương hiệu đã đăng ký của các công ty tương ứng.

# Nội dung



|  |           |
|--|-----------|
| <b>Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn</b> .....           | <b>5</b>  |
| Thành Phần Trong Hộp .....                           | 5         |
| Tính Năng Sản Phẩm .....                             | 7         |
| Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển .....            | 8         |
| Thông Số Màn Hình .....                              | 12        |
| Khả Năng Cắm và Chạy .....                           | 23        |
| Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB) .....           | 24        |
| Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD ..... | 26        |
| Hướng Dẫn Bảo Trì .....                              | 26        |
| <b>Cài Đặt Màn Hình</b> .....                        | <b>27</b> |
| Lắp Chân Đế .....                                    | 27        |
| Kết Nối Màn Hình Của Bạn .....                       | 29        |
| Quản Lý Cáp Của Bạn .....                            | 31        |
| Tháo Chân Đế Màn Hình .....                          | 31        |
| Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn) .....                   | 32        |
| <b>Sử Dụng Màn Hình</b> .....                        | <b>33</b> |
| Bật Nguồn Màn Hình .....                             | 33        |
| Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước .....  | 33        |
| Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) .....      | 35        |

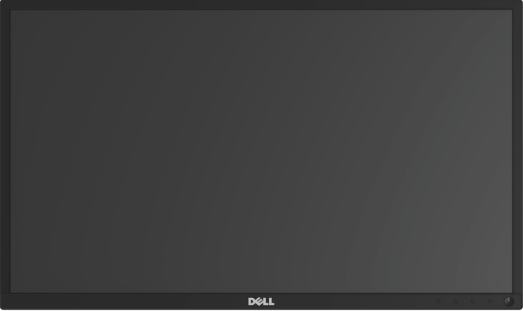


|   |           |
|---|-----------|
| Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa .....                           | 49        |
| Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng .....                    | 50        |
| Xoay màn hình .....   | 51        |
| Điều Chỉnh Cài Đặt Hiện Thị Xoay Cho Hệ Thống Của Bạn ..... | 52        |
| <b>Xử lý sự cố .....</b>                                    | <b>53</b> |
| Tự kiểm tra .....   | 53        |
| Chẩn đoán tích hợp .....                                    | 54        |
| Vấn Đề Thường Gặp .....                                     | 55        |
| Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm .....                           | 57        |
| Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB) .....          | 58        |
| <b>Phụ Lục .....</b>  | <b>59</b> |
| Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác .....    | 59        |
| Liên hệ với Dell .....                                      | 59        |

# Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn

## Thành Phần Trong Hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu dưới đây. Đảm bảo bạn nhận được tất cả các phụ kiện và [Liên hệ với Dell](#) kiểm tra xem có phần nào bị thiếu không.

-  **CHÚ Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc nội dung đa phương tiện có thể không có ở một số nước.
-  **CHÚ Ý:** Để lắp với chân đế khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để được hướng dẫn lắp đặt.

|   |                 |
|---|-----------------|
|    | Màn hình        |
|   | Bộ nâng chân đế |
|  | Bộ chân đế      |

|  |  |
|--|--|
|   | <p>Cáp Nguồn (Khác nhau tùy theo quốc gia)</p>   |
|   | <p>Cáp VGA</p>   |
|   | <p>Cáp DP</p>  |
|   | <p>Cáp Nối Lên USB 3.0 (Lắp cổng USB trên màn hình)</p>  |
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đĩa Trình Điều Khiển Và Tài Liệu</li> <li>• Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh</li> <li>• Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định</li> </ul> |

# Tính Năng Sản Phẩm

Màn hình phẳng **Dell P2217H/P2317H/P2317HWH/P2417H/P2717H** có Bán Dẫn Màng Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

- **P2217H:** Vùng nhìn được là 54,6 cm (21,5-inch) (đo chéo).  
Độ phân giải: Lên tới 1920 x 1080, qua cổng VGA, DisplayPort và HDMI, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn.
- **P2317H/P2317HWH:** Vùng nhìn được là 58,4 cm (23-inch) (đo chéo).  
Độ phân giải: Lên tới 1920 x 1080, qua cổng VGA, DisplayPort và HDMI, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn.
- **P2417H:** Vùng nhìn được là 60,5 cm (23,8-inch) (đo chéo).  
Độ phân giải: Lên tới 1920 x 1080, qua cổng VGA, DisplayPort và HDMI, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn.
- **P2717H:** Vùng nhìn được là 68,6 cm (27-inch) (đo chéo).  
Độ phân giải: Lên tới 1920 x 1080, qua cổng VGA, DisplayPort và HDMI, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn.
- Gam màu 72% NTSC.
- Nghiêng, xoay, kéo cao, và khả năng điều chỉnh xoay.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Kết nối số với DisplayPort và HDMI.
- Được trang bị 1 cổng nối lên USB và 4 cổng nối xuống USB.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Đĩa phần mềm và tài liệu hướng dẫn có Tập Thông Tin (INF), Tập Khớp Màu Hình Ảnh (ICM), và tài liệu sản phẩm.
- Khe khóa an toàn.
- Khóa chân đế.
- Sử dụng 0,3 W điện chờ khi ở chế độ ngủ.
- Đồng Hồ Năng Lượng cho biết mức năng lượng màn hình sử dụng thực tế.
- Tối ưu sự thoải mái cho mắt với màn hình không bị nhấp và tính năng ComfortView giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.

# Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển

## Nhìn Từ Trước



Điều khiển trên bảng điều khiển phía trước

| Nhãn | Mô tả   |
|------|---|
| 1    | Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Sử Dụng Màn Hình</a> ) |
| 2    | Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED)  |



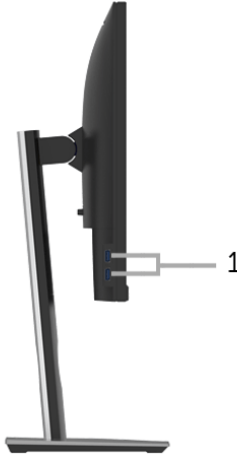
## Nhìn Từ Sau



Nhìn từ sau có chân đế

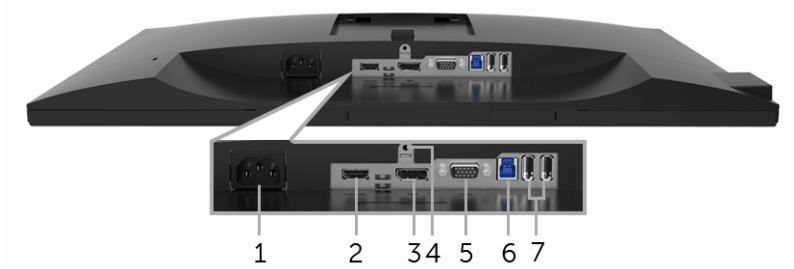
| Nhãn | Mô tả   | Sử dụng   |
|------|---|---|
| 1    | Lỗ lắp VESA (100 mm x 100 mm - Nắp VESA lắp phía sau) | Màn hình treo tường sử dụng bộ treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm).   |
| 2    | Nhãn quy định   | Liệt kê các phê chuẩn theo quy định.  |
| 3    | Nút nhả chân đế                                       | Nhả chân đế khỏi màn hình.  |
| 4    | Khe khóa an toàn                                      | Giữ an toàn màn hình với khóa an toàn (không có kèm khóa an toàn).  |
| 5    | Mã vạch, số sê-ri và nhãn Thẻ dịch vụ                 | Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.  |
| 6    | Khe gắn Thanh Âm Thanh Dell                           | Lắp Thanh Âm Thanh Dell tùy chọn.<br><b>CHÚ Ý:</b> Hãy tháo dải nhựa bao phủ các khe lắp trước khi lắp Thanh Âm Thanh của Dell. |
| 7    | Khe quản lý cáp                                       | Sử dụng để quản lý dây cáp bằng cách đặt chúng vào qua khe.   |

## Nhìn Từ Phía Bên



| Nhãn | Mô tả              | Sử dụng  |
|------|--------------------|--|
| 1    | Cổng nối xuống USB | Kết nối thiết bị USB.<br><b>CHÚ Ý:</b> Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối cáp USB (kèm theo màn hình) vào cổng lên USB trên màn hình và vào máy tính của bạn. |

## Nhìn Từ Dưới



Nhìn từ dưới không có chân đế

| Nhãn | Mô tả                  | Sử dụng  |
|------|------------------------|--|
| 1    | Đầu nối cáp nguồn      | Nối cáp nguồn.   |
| 2    | Cổng HDMI              | Kết nối máy tính với cáp HDMI (không gồm cáp).   |
| 3    | DisplayPort            | Kết nối máy tính với cáp DP.   |
| 4    | Tính năng khóa chân đế | Để khóa chân đế với màn hình, sử dụng vít M3 x 6 mm (vít không được đi kèm).   |
| 5    | Đầu nối VGA            | Kết nối máy tính với cáp VGA.  |
| 6    | Cổng nối lên USB       | Kết nối cáp USB (kèm theo màn hình của bạn) vào cổng này và máy tính của bạn để kích hoạt các cổng USB trên màn hình của bạn.                                    |
| 7    | Cổng nối xuống USB     | Kết nối thiết bị USB.<br><b>CHÚ Ý:</b> Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối cáp USB (kèm theo màn hình) vào cổng lên USB trên màn hình và vào máy tính của bạn. |

# Thông Số Màn Hình

| Dòng máy                          | P2217H   | P2317H/P2317HWH                                       |
|-----------------------------------|--|---|
| Kiểu màn hình                     | Ma trận chủ động - TFT LCD   |   |
| Công nghệ màn hình phẳng          | Công nghệ chuyển hướng trong mặt phẳng   |   |
| Tỷ Lệ Khung Hình                  | 16:9   | 16:9  |
| Hình ảnh xem được                 |  |   |
| Chéo                              | 546,10 mm (21,5 inches)  | 584,20 mm (23 inch)                                   |
| Vùng Hoạt Động, Ngang             | 476,06 mm (18,74 inch)   | 509,18 mm (20,05 inch)                                |
| Vùng Hoạt Động, Dọc               | 267,79 mm (10,54 inch)   | 286,42 mm (11,28 inch)                                |
| Khu vực                           | 127484,10 mm <sup>2</sup> (197,6 inch <sup>2</sup> )   | 145839,33 mm <sup>2</sup> (226,05 inch <sup>2</sup> ) |
| Mật độ điểm ảnh                   | 0,248 mm x 0,248 mm  | 0,265 mm x 0,265 mm                                   |
| Điểm ảnh mỗi inch (PPI)           | 102  | 96  |
| Góc nhìn                          | Thông thường 178° (dọc)<br>Thông thường 178° (ngang)   |   |
| Độ sáng                           | 250 cd/m <sup>2</sup> (thông thường)   |   |
| Tỷ lệ tương phản                  | 1000 đến 1 (thông thường)<br>4 Triệu:1 (Động)  |   |
| Lớp phủ màn hình hiển thị         | Chống lóa với độ cứng 3H   |   |
| Đèn nền                           | Hệ thống đèn mép LED trắng   |   |
| Thời gian phản hồi (thông thường) | 6 ms (xám-đen-xám)   |   |
| Độ sâu màu                        | 16,7 triệu màu   |   |
| Gam màu                           | 82% NTSC (CIE1976)*  |   |
| Thiết bị tích hợp                 | <ul style="list-style-type: none"><li>• Ổ USB 3.0 tốc độ cực nhanh (Với 1 x cổng lên USB 3.0)</li><li>• 2 x cổng xuống USB 3.0</li><li>• 2 x cổng xuống USB 2.0</li></ul>                                |   |
| Kết nối                           | <ul style="list-style-type: none"><li>• 1 x DP 1.2</li><li>• 1 x HDMI 1.4</li><li>• 1 x VGA</li><li>• 1 x cổng USB 3.0 - Lên</li><li>• 2 x cổng USB 3.0 - bên</li><li>• 2 x cổng USB 2.0 - đáy</li></ul> |   |

|  |   |   |
|--|---|---|
| Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động) | 11,4 mm (Trên/Trái/Phải)<br>18,1 mm (Đáy) | 11,4 mm (Trên/Trái/Phải)<br>18,1 mm (Đáy) |
| Khả năng điều chỉnh                            |   |   |
| Chân chỉnh chiều cao                           | 130 mm                                    |   |
| Nghiêng  | -5° đến 21°                               |   |
| Xoay   | -45° đến 45°                              |   |
| Trục   | 90° (theo chiều kim đồng hồ)              |   |
| Tương Thích Dell Display Manager               | Có  |   |
| Bảo mật  | Khe khóa an toàn (khóa cấp bán riêng)     |   |

| <b>Dòng máy</b>                   | <b>P2417H</b>   | <b>P2717H</b>   |
|-----------------------------------|---|---|
| Kiểu màn hình                     | Ma trận chủ động - TFT LCD                            |   |
| Công nghệ màn hình phẳng          | Công nghệ chuyển hướng trong mặt phẳng                |   |
| Tỷ Lệ Khung Hình                  | 16:9  | 16:9  |
| Hình ảnh xem được                 |   |   |
| Chéo                              | 604,52 mm (23,8 inch)                                 | 685,80 mm (27 inch)                                   |
| Vùng Hoạt Động, Ngang             | 527,04 mm (20,75 inch)                                | 597,92 mm (23,54 inch)                                |
| Vùng Hoạt Động, Dọc               | 296,46 mm (11,67 inch)                                | 336,30 mm (13,24 inch)                                |
| Khu vực                           | 156246,27 mm <sup>2</sup> (242,18 inch <sup>2</sup> ) | 201073,77 mm <sup>2</sup> (311,65 inch <sup>2</sup> ) |
| Mật độ điểm ảnh                   | 0,275 mm x 0,275 mm                                   | 0,311 mm x 0,311 mm                                   |
| Điểm ảnh mỗi inch (PPI)           | 93  | 82  |
| Góc nhìn                          | Thông thường 178° (dọc)<br>Thông thường 178° (ngang)  |   |
| Độ sáng                           | 250 cd/m <sup>2</sup> (thông thường)                  | 300 cd/m <sup>2</sup> (thông thường)                  |
| Tỷ lệ tương phản                  | 1000 đến 1 (thông thường)<br>4 Triệu:1 (Động)         |   |
| Lớp phủ màn hình hiển thị         | Chống lóa với độ cứng 3H                              |   |
| Đèn nền                           | Hệ thống đèn mép LED trắng                            |   |
| Thời gian phản hồi (thông thường) | 6 ms (xám-đến-xám)                                    |   |
| Độ sâu màu                        | 16,7 triệu màu  |   |

|  |   |                          |
|--|---|--------------------------|
| Gam màu  | 82% NTSC (CIE1976)*   |                          |
| Thiết bị tích hợp                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ổ USB 3.0 tốc độ cực nhanh (Với 1 x cổng lên USB 3.0)</li> <li>• 2 x cổng xuống USB 3.0</li> <li>• 2 x cổng xuống USB 2.0</li> </ul>                                   |                          |
| Kết nối  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• 1 x DP 1.2</li> <li>• 1 x HDMI 1.4</li> <li>• 1 x VGA</li> <li>• 1 x cổng USB 3.0 - Lên</li> <li>• 2 x cổng USB 3.0 - bên</li> <li>• 2 x cổng USB 2.0 - đáy</li> </ul> |                          |
| Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động) | 11,4 mm (Trên/Trái/Phải)  | 11,6 mm (Trên/Trái/Phải) |
|  | 18,1 mm (Đáy)   | 18,2 mm (Đáy)            |
| Khả năng điều chỉnh                            |   |                          |
| Chân chỉnh chiều cao                           | 130 mm  |                          |
| Nghiêng  | -5° đến 21°   |                          |
| Xoay   | -45° đến 45°  |                          |
| Trục   | 90° (theo chiều kim đồng hồ)  |                          |
| Tương Thích Dell Display Manager               | Có  |                          |
| Bảo mật  | Khe khóa an toàn (khóa cáp bán riêng)   |                          |

\* Gam màu (thông thường) dựa theo tiêu chuẩn kiểm tra CIE1976 (82% NTSC) và CIE1931 (72% NTSC).

## Thông Số Độ Phân Giải

|                                 |   |
|---------------------------------|---|
| <b>Dòng máy</b>                 | <b>P2217H/P2317H/P2317HWH/P2417H/P2717H</b> |
| Phạm vi quét ngang              | 30 kHz đến 83 kHz (tự động)                 |
| Phạm vi quét dọc                | 56 Hz đến 76 Hz (tự động)                   |
| Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa | 1920 x 1080 ở 60 Hz                         |

## Chế độ video được hỗ trợ

|   |   |
|---|---|
| <b>Dòng máy</b>                           | <b>P2217H/P2317H/P2317HWH/P2417H/P2717H</b> |
| Khả năng phát video (phát VGA, HDMI & DP) | 480i, 480p, 576i, 576p, 720p, 1080i, 1080p  |

## Chế độ hiển thị cài sẵn

| Chế Độ Hiển Thị   | Tần Số Quét Ngang (kHz) | Tần Số Quét Dọc (Hz) | Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz) | Cực Đồng Bộ (Ngang/Dọc) |
|-------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| VESA, 640 x 480   | 31,5                    | 60,0                 | 25,2                   | -/-                     |
| VESA, 640 x 480   | 37,5                    | 75,0                 | 31,5                   | -/-                     |
| IBM, 720 x 400    | 31,5                    | 70,0                 | 28,3                   | -/+                     |
| VESA, 800 x 600   | 37,9                    | 60,0                 | 40,0                   | +/+                     |
| VESA, 800 x 600   | 46,9                    | 75,0                 | 49,5                   | +/+                     |
| VESA, 1024 x 768  | 48,4                    | 60,0                 | 65,0                   | -/-                     |
| VESA, 1024 x 768  | 60,0                    | 75,0                 | 78,8                   | +/+                     |
| VESA, 1152 x 864  | 67,5                    | 75,0                 | 108,0                  | +/+                     |
| VESA, 1280 x 1024 | 64,0                    | 60,0                 | 108,0                  | +/+                     |
| VESA, 1280 x 1024 | 80,0                    | 75,0                 | 135,0                  | +/+                     |
| VESA, 1600 x 900  | 60,0                    | 60,0                 | 108,0                  | +/+                     |
| VESA, 1920 x 1080 | 67,5                    | 60,0                 | 148,5                  | +/+                     |

## Thông Số Điện

| Dòng máy                            | P2217H/P2317H/P2317HWH/P2417H/P2717H  |
|-------------------------------------|---|
| Tín hiệu vào video                  | <ul style="list-style-type: none"><li>• Analog RGB, 0,7 Vôn +/- 5%, cực dương ở trở kháng vào 75 ohm</li><li>• HDMI 1.4, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai</li><li>• DisplayPort 1.2, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai</li></ul> |
| Điện áp AC/tần số/<br>dòng điện vào | 100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 1,5 A (thông thường)  |
| Điện khởi động                      | <ul style="list-style-type: none"><li>• 120 V: 30 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)</li><li>• 220 V: 60 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)</li></ul>   |

## Đặc Điểm Vật Lý

| Dòng máy  | P2217H  | P2317H/P2317HWH       |
|---|---|-----------------------|
| Kiểu cáp tín hiệu   | <ul style="list-style-type: none"><li>• Analog: D-Sub, 15 chân</li><li>• Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân</li><li>• Kỹ thuật số: HDMI, 19 chân (không gồm cáp)</li><li>• Cổng Kết Nối Đa Dụng: USB, 9 chân</li></ul> |                       |
| <b>Kích thước (có chân đế)</b>  |   |                       |
| Chiều cao (kéo dài)   | 477,8 mm (18,81 inch)   | 487,1 mm (19,17 inch) |
| Chiều cao (thu gọn)   | 354,4 mm (13,95 inch)   | 357,1 mm (14,06 inch) |
| Chiều rộng  | 498,9 mm (19,64 inch)   | 532,0 mm (20,94 inch) |
| Chiều sâu   | 180,0 mm (7,09 inch)  | 180,0 mm (7,09 inch)  |
| <b>Kích thước (không có chân đế)</b>  |   |                       |
| Chiều cao   | 297,3 mm (11,70 inch)   | 315,9 mm (12,43 inch) |
| Chiều rộng  | 498,9 mm (19,64 inch)   | 532,0 mm (20,94 inch) |
| Chiều sâu   | 50,3 mm (1,98 inch)   | 50,3 mm (1,98 inch)   |
| <b>Kích thước chân đế</b>   |   |                       |
| Chiều cao (kéo dài)   | 400,8 mm (15,78 inch)   | 400,8 mm (15,78 inch) |
| Chiều cao (thu gọn)   | 354,4 mm (13,95 inch)   | 354,4 mm (13,95 inch) |
| Chiều rộng  | 242,6 mm (9,55 inch)  | 242,6 mm (9,55 inch)  |
| Chiều sâu   | 180,0 mm (7,09 inch)  | 180,0 mm (7,09 inch)  |
| <b>Trọng lượng</b>  |   |                       |
| Trọng lượng gồm bao bì  | 6,86 kg (15,09 lb)  | 7,34 kg (16,18 lb)    |
| Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp   | 5,37 kg (11,81 lb)  | 5,59 kg (12,32 lb)    |
| Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp) | 2,81 kg (6,18 lb)   | 3,06 kg (6,75 lb)     |
| Trọng lượng của bộ chân đế  | 2,10 kg (4,63 lb)   | 2,10 kg (4,63 lb)     |
| Độ bóng khung trước   | 2-4   | 2-4                   |



| <b>Dòng máy</b>   | <b>P2417H</b>  | <b>P2717H</b>         |
|---|--|-----------------------|
| <b>Kiểu cáp tín hiệu</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Analog: D-Sub, 15 chân</li> <li>• Kỹ thuật số: HDMI, 19 chân (không gồm cáp)</li> <li>• Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân</li> <li>• Cổng Kết Nối Đa Dụng: USB, 9 chân</li> </ul> |                       |
| <b>Kích thước (có chân đế)</b>  |  |                       |
| Chiều cao (kéo dài)   | 492,1 mm (19,37 inch)  | 544,9 mm (21,45 inch) |
| Chiều cao (thu gọn)   | 362,1 mm (14,26 inch)  | 415,3 mm (16,35 inch) |
| Chiều rộng  | 549,8 mm (21,65 inch)  | 621,1 mm (24,45 inch) |
| Chiều sâu   | 180,0 mm (7,09 inch)   | 200,3 mm (7,89 inch)  |
| <b>Kích thước (không có chân đế)</b>  |  |                       |
| Chiều cao   | 326,0 mm (12,83 inch)  | 366,1 mm (14,41 inch) |
| Chiều rộng  | 549,8 mm (21,65 inch)  | 621,1 mm (24,45 inch) |
| Chiều sâu   | 50,3 mm (1,98 inch)  | 50,3 mm (1,98 inch)   |
| <b>Kích thước chân đế</b>   |  |                       |
| Chiều cao (kéo dài)   | 400,8 mm (15,78 inch)  | 433,4 mm (17,06 inch) |
| Chiều cao (thu gọn)   | 354,4 mm (13,95 inch)  | 387,2 mm (15,24 inch) |
| Chiều rộng  | 242,6 mm (9,55 inch)   | 292,4 mm (11,51 inch) |
| Chiều sâu   | 180,0 mm (7,09 inch)   | 200,3 mm (7,89 inch)  |
| <b>Trọng lượng</b>  |  |                       |
| Trọng lượng gồm bao bì  | 7,63 kg (16,78 lb)   | 9,76 kg (21,52 lb)    |
| Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp   | 5,90 kg (12,98 lb)   | 7,44 kg (16,40 lb)    |
| Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp) | 3,33 kg (7,32 lb)  | 4,58 kg (10,10 lb)    |
| Trọng lượng của bộ chân đế  | 2,10 kg (4,63 lb)  | 2,44 kg (5,38 lb)     |
| Độ bóng khung trước   | 2-4  | 2-4                   |

## Đặc Tính Môi Trường

| Dòng máy  | P2217H   | P2317H/<br>P2317HWH  | P2417H   | P2717H   |
|---|--|--|--|--|
| <b>Tiêu Chuẩn Tương Thích</b>   |  |  |  |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Màn hình có chứng nhận ENERGY STAR</li> <li>Tiêu chuẩn Vàng EPEAT được đăng ký ở U.S. Việc đăng ký EPEAT khác nhau theo quốc gia. Xem <a href="http://www.epeat.net">www.epeat.net</a> để biết tình hình đăng ký theo quốc gia</li> <li>Tuân thủ RoHS</li> <li>Màn hình chứng nhận TCO</li> <li>Màn hình không có BFR/PVC (trừ cáp bên ngoài)</li> <li>Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân</li> </ul> |  |  |  |  |
| <b>Nhiệt độ</b>   |  |  |  |  |
| Hoạt động   | 0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)  |  |  |  |
| Không hoạt động   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> <li>Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> </ul> |  |  |  |
| <b>Độ ẩm</b>  |  |  |  |  |
| Hoạt động   | 10% đến 80% (không ngưng tụ)   |  |  |  |
| Không hoạt động   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> <li>Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> </ul>         |  |  |  |
| <b>Độ cao</b>   |  |  |  |  |
| Hoạt động   | 5.000 m (16.404 ft) (tối đa)   |  |  |  |
| Không hoạt động   | 12.192 m (40.000 ft) (tối đa)  |  |  |  |
| <b>Tản nhiệt</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>126,24 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>58,01 BTU/giờ (bình thường)</li> </ul>                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>129,66 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>61,42 BTU/giờ (bình thường)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>133,07 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>64,83 BTU/giờ (bình thường)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>187,66 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>78,48 BTU/giờ (bình thường)</li> </ul> |

## Chế Độ Quản Lý Điện

Nếu bạn có card hoặc phần mềm hiển thị tuân thủ DPM™ của VESA cài đặt trong máy tính của bạn thì màn hình có thể tự động giảm tiêu thụ điện khi không sử dụng. Tính năng này được gọi là *Chế Độ Tiết Kiệm Điện\**. Nếu máy tính phát hiện có nhập liệu từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị nhập liệu khác, thì màn hình sẽ tự động khôi phục hoạt động. Bảng sau thể hiện mức tiêu thụ điện và báo hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

**P2217H**

| <b>Chế Độ VESA</b>    | <b>Đồng Bộ Ngang</b> | <b>Đồng Bộ Dọc</b> | <b>Video</b> | <b>Đèn Báo Nguồn</b> | <b>Tiêu Thụ Điện</b>                   |
|-----------------------|----------------------|--------------------|--------------|----------------------|--|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động            | Hoạt động          | Hoạt động    | Trắng                | 37 W (tối đa)**<br>17 W (thông thường) |
| Chế độ chờ            | Không hoạt động      | Không hoạt động    | Trống        | Trắng (nhấp nháy)    | Nhỏ hơn 0,3 W                          |
| Tắt nguồn             | -                    | -                  | -            | Tắt                  | Nhỏ hơn 0,3 W                          |

| <b>Energy Star</b> | <b>Tiêu Thụ Điện</b> |
|--------------------|----------------------|
| P <sub>on</sub>    | 15,5 W               |
| E <sub>TEC</sub>   | 50,6 kWh             |

**P2317H/P2317HWH**

| <b>Chế Độ VESA</b>    | <b>Đồng Bộ Ngang</b> | <b>Đồng Bộ Dọc</b> | <b>Video</b> | <b>Đèn Báo Nguồn</b> | <b>Tiêu Thụ Điện</b>                   |
|-----------------------|----------------------|--------------------|--------------|----------------------|--|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động            | Hoạt động          | Hoạt động    | Trắng                | 38 W (tối đa)**<br>18 W (thông thường) |
| Chế độ chờ            | Không hoạt động      | Không hoạt động    | Trống        | Trắng (nhấp nháy)    | Nhỏ hơn 0,3 W                          |
| Tắt nguồn             | -                    | -                  | -            | Tắt                  | Nhỏ hơn 0,3 W                          |

| <b>Energy Star</b> | <b>Tiêu Thụ Điện</b> |
|--------------------|----------------------|
| P <sub>on</sub>    | 14,8 W               |
| E <sub>TEC</sub>   | 46,7 kWh             |

**P2417H**

| <b>Chế Độ VESA</b>    | <b>Đồng Bộ Ngang</b> | <b>Đồng Bộ Dọc</b> | <b>Video</b> | <b>Đèn Báo Nguồn</b> | <b>Tiêu Thụ Điện</b>                   |
|-----------------------|----------------------|--------------------|--------------|----------------------|--|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động            | Hoạt động          | Hoạt động    | Trắng                | 39 W (tối đa)**<br>19 W (thông thường) |
| Chế độ chờ            | Không hoạt động      | Không hoạt động    | Trống        | Trắng (nhấp nháy)    | Nhỏ hơn 0,3 W                          |
| Tắt nguồn             | -                    | -                  | -            | Tắt                  | Nhỏ hơn 0,3 W                          |

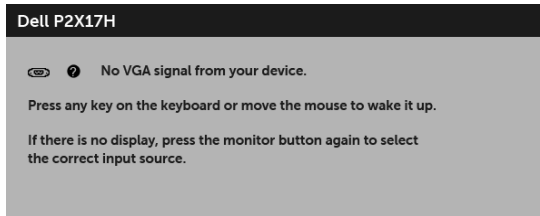
| <b>Energy Star</b> | <b>Tiêu Thụ Điện</b> |
|--------------------|----------------------|
| P <sub>on</sub>    | 18,5 W               |
| E <sub>TEC</sub>   | 54,1 kWh             |

## P2717H

| Chế Độ VESA           | Đồng Bộ Ngang   | Đồng Bộ Dọc     | Video     | Đèn Báo Nguồn     | Tiêu Thụ Điện                          |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------|-------------------|--|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động       | Hoạt động       | Hoạt động | Trắng             | 55 W (tối đa)**<br>23 W (thông thường) |
| Chế độ chờ            | Không hoạt động | Không hoạt động | Trống     | Trắng (nhấp nháy) | Nhỏ hơn 0,3 W                          |
| Tắt nguồn             | -               | -               | -         | Tắt               | Nhỏ hơn 0,3 W                          |

| Energy Star | Tiêu Thụ Điện |
|-------------|---------------|
| $P_{on}$    | 15,1 W        |
| $E_{TEC}$   | 47,4 kWh      |

OSD chỉ hoạt động trong chế độ hoạt động bình thường. Khi bắt kỳ nút nào được nhấn trong chế độ tắt hoạt động, thông báo sau sẽ được hiển thị:



**CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.



**CHÚ Ý:** Màn hình này tuân thủ chuẩn **ENERGY STAR®**.



**CHÚ Ý:**

$P_{on}$ : Tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

$E_{TEC}$ : Tổng tiêu thụ điện bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

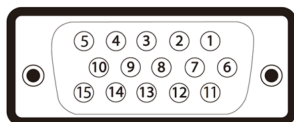
\* Chỉ có thể đạt được mức tiêu thụ điện bằng không trong chế độ TẮT bằng cách rút cáp nguồn khỏi màn hình.

\*\* Tiêu thụ điện tối đa với mức chiếu sáng tối đa và USB hoạt động.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và thể hiện hiệu suất trong phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể thể hiện khác, tùy thuộc vào phần mềm, linh kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đặt hàng và không có nghĩa vụ phải cập nhật thông tin như vậy. Theo đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về dung sai điện hoặc những quyết định khác. Không có bảo đảm công khai hay ngụ ý về tính chính xác hay đầy đủ.

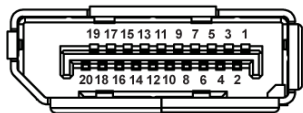
# Chỉ Định Chân

## Đầu nối VGA



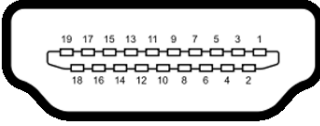
| Số Chân | Mặt 15 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối |
|---------|--------------------------------------|
| 1       | Video-Đỏ                             |
| 2       | Video-Xanh lá                        |
| 3       | Video-Xanh dương                     |
| 4       | GND                                  |
| 5       | Tự kiểm tra                          |
| 6       | GND-R                                |
| 7       | GND-G                                |
| 8       | GND-B                                |
| 9       | Máy tính 5 V/3,3 V                   |
| 10      | Đồng bộ-GND                          |
| 11      | GND                                  |
| 12      | Dữ liệu DDC                          |
| 13      | Đồng bộ-ngang                        |
| 14      | Đồng bộ-dọc                          |
| 15      | Đồng hồ DDC                          |

## Đầu nối DisplayPort



| Số Chân | Mặt 20 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối |
|---------|--------------------------------------|
| 1       | ML0(p)                               |
| 2       | GND                                  |
| 3       | ML0(n)                               |
| 4       | ML1(p)                               |
| 5       | GND                                  |
| 6       | ML1(n)                               |
| 7       | ML2(p)                               |
| 8       | GND                                  |
| 9       | ML2(n)                               |
| 10      | ML3(p)                               |
| 11      | GND                                  |
| 12      | ML3(n)                               |
| 13      | GND                                  |
| 14      | GND                                  |
| 15      | AUX(p)                               |
| 16      | GND                                  |
| 17      | AUX(n)                               |
| 18      | GND                                  |
| 19      | Re-PWR                               |
| 20      | +3,3 V DP_PWR                        |

## Đầu nối HDMI



| Số Chân | Mặt 19 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối |
|---------|--------------------------------------|
| 1       | DỮ LIỆU TMDS 2+                      |
| 2       | LỚP CHẤM DỮ LIỆU TMDS 2              |
| 3       | DỮ LIỆU TMDS 2-                      |
| 4       | DỮ LIỆU TMDS 1+                      |
| 5       | LỚP CHẤM DỮ LIỆU TMDS 1              |
| 6       | DỮ LIỆU TMDS 1-                      |
| 7       | DỮ LIỆU TMDS 0+                      |
| 8       | LỚP CHẤM DỮ LIỆU TMDS 0              |
| 9       | DỮ LIỆU TMDS 0-                      |
| 10      | ĐỒNG HỒ TMDS+                        |
| 11      | LỚP CHẤM ĐỒNG HỒ TMDS                |
| 12      | ĐỒNG HỒ TMDS-                        |
| 13      | CEC                                  |
| 14      | Dự trữ (N.C. trên thiết bị)          |
| 15      | ĐỒNG HỒ DDC (SCL)                    |
| 16      | DỮ LIỆU DDC (SDA)                    |
| 17      | DDC/CEC Nối đất                      |
| 18      | +5 V NGUỒN                           |
| 19      | PHÁT HIỆN CẢM NÓNG                   |

## Khả Năng Cắm và Chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cắm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt màn hình, xem [Sử Dụng Màn Hình](#).

# Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có trên màn hình.

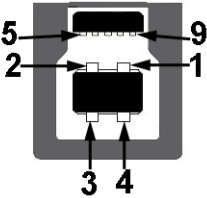


**CHÚ Ý:** Màn hình này tương thích USB 3.0 tốc độ cực nhanh và USB 2.0 tốc độ cao.

| Tốc Độ Truyền    | Tốc Độ Dữ Liệu | Tiêu Thụ Điện            |
|------------------|----------------|--------------------------|
| Tốc độ cực nhanh | 5 Gbps         | 4,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |
| Tốc độ cao       | 480 Mbps       | 4,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |
| Tốc độ đầy đủ    | 12 Mbps        | 4,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |

| Tốc Độ Truyền | Tốc Độ Dữ Liệu | Tiêu Thụ Điện            |
|---------------|----------------|--------------------------|
| Tốc độ cao    | 480 Mbps       | 2,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |
| Tốc độ đầy đủ | 12 Mbps        | 2,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |
| Tốc độ thấp   | 1,5 Mbps       | 2,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |

## Đầu Nối Lên USB 3.0



| Số Chân | Mặt 9 Chân Của Đầu Nối |
|---------|------------------------|
| 1       | VCC                    |
| 2       | D-                     |
| 3       | D+                     |
| 4       | GND                    |
| 5       | SSTX-                  |
| 6       | SSTX+                  |
| 7       | GND                    |
| 8       | SSRX-                  |
| 9       | SSRX+                  |

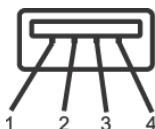


## Đầu Nối Xuống USB 3.0



| Số Chân | Mặt 9 Chân Của Đầu Nối |
|---------|------------------------|
| 1       | VCC                    |
| 2       | D-                     |
| 3       | D+                     |
| 4       | GND                    |
| 5       | SSRX-                  |
| 6       | SSRX+                  |
| 7       | GND                    |
| 8       | SSTX-                  |
| 9       | SSTX+                  |

## Đầu Nối Xuống USB 2.0



| Số Chân | Mặt 4 Chân Của Đầu Nối |
|---------|------------------------|
| 1       | VCC                    |
| 2       | DMD                    |
| 3       | DPD                    |
| 4       | GND                    |

## Cổng USB

- 1 x USB 3.0 lên - đáy
- 2 x USB 2.0 xuống - đáy
- 2 x USB 3.0 xuống - bên



**CHÚ Ý:** Chức năng USB 3.0 đòi hỏi máy tính phải hỗ trợ USB 3.0.



**CHÚ Ý:** Giao diện USB của màn hình này chỉ hoạt động khi màn hình đang Bật hoặc ở trong chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn Tắt màn hình và sau đó Bật lại, các thiết bị ngoại vi kèm theo có thể mất một vài giây để khôi phục chức năng bình thường.

# Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại:

<http://www.dell.com/support/monitors>.

## Hướng Dẫn Bảo Trì

### Vệ Sinh Màn Hình



**THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.



**CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và Tắt màn hình khi không sử dụng.

# Cài Đặt Màn Hình

---

## Lắp Chân Đế



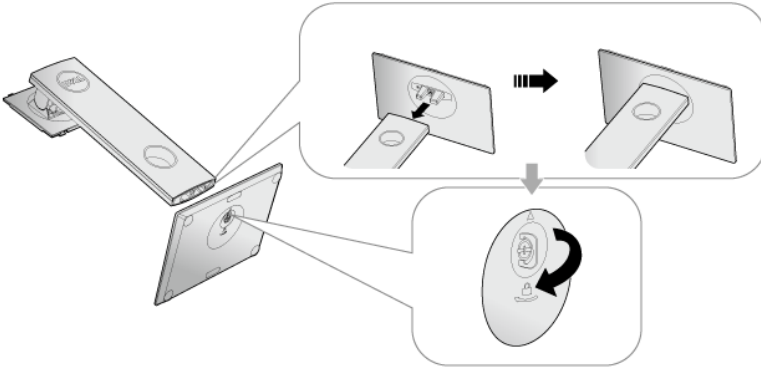
**CHÚ Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



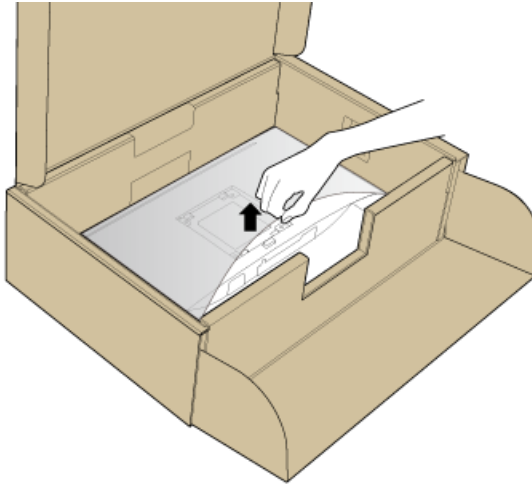
**CHÚ Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

Để lắp chân đế màn hình:

- 1 Làm theo hướng dẫn trên nắp thùng carton để tháo chân đế khỏi đệm trên giữ nó.
- 2 Lắp các phần bên chân đế vào hoàn toàn khe chân đế.
- 3 Nâng tay cầm vít lên và xoay vít theo chiều kim đồng hồ.
- 4 Sau khi siết chặt vít, gập tay cầm vít xuống phần thụ vào.

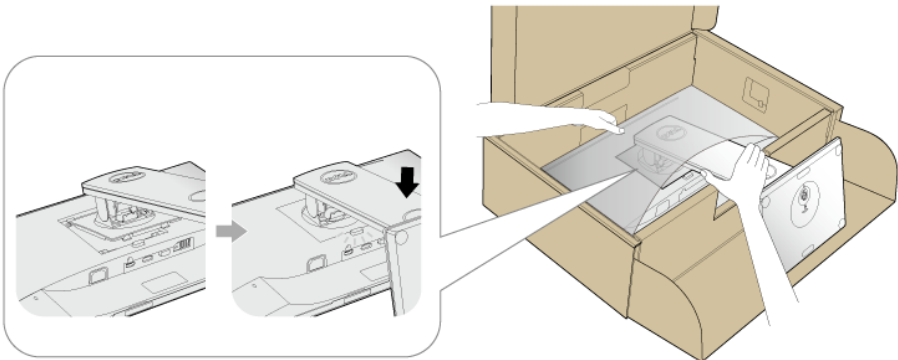


5 Nhấc nắp, như minh họa, để làm hở khu vực VESA để lắp bộ chân đế.



6 Gắn bộ chân đế vào màn hình.

- a Lắp hai tab ở phần trên của chân đế vào rãnh phía sau màn hình.
- b Ấn xuống chân đế cho đến khi nó khớp vào vị trí.



7 Đặt màn hình thẳng đứng.



**CHÚ Ý:** Nhấc màn hình cẩn thận để nó không bị trượt hoặc rơi.

# Kết Nối Màn Hình Của Bạn

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

**✍ CHÚ Ý:** Luôn cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng.

**✍ CHÚ Ý:** Không kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:

- 1 Tắt máy tính của bạn và ngắt kết nối cáp nguồn.
- 2 Kết nối cáp VGA, DP hoặc HDMI từ màn hình của bạn vào máy tính.

## Kết nối cáp VGA



## Kết nối cáp DisplayPort (DP sang DP)



## Kết nối cáp HDMI (tùy chọn)

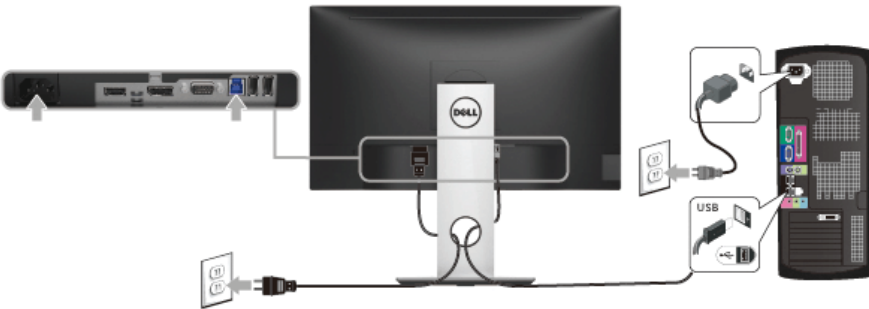


**CHÚ Ý:** Các đồ họa được sử dụng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể thay đổi.

## Kết nối cáp USB 3.0

Sau khi bạn đã kết nối xong cáp VGA/DP/HDMI, hãy làm theo các bước sau để kết nối cáp USB 3.0 với máy tính và hoàn tất cài đặt màn hình của bạn:

- 1 Kết nối cổng lên USB 3.0 (cáp được cung cấp) với cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính của bạn. (Xem [Nhìn Từ Dưới](#) để biết chi tiết.)
- 2 Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 xuống trên màn hình.
- 3 Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm ở gần.
- 4 Bật màn hình và máy tính.  
Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh, thì cài đặt đã hoàn tất. Nếu nó không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng \(USB\)](#).
- 5 Sử dụng khe cáp trên chân đế màn hình để quản lý cáp.





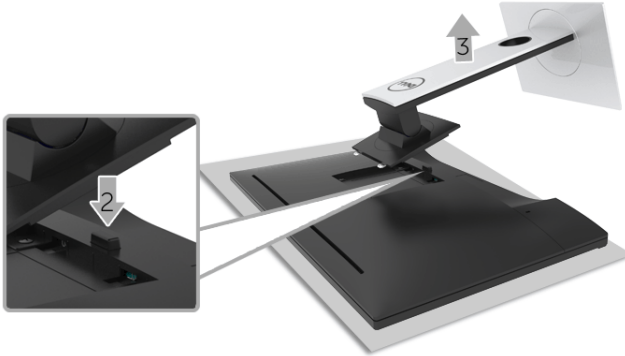
# Quản Lý Cáp Của Bạn



Sau khi lắp tất cả các cáp cần thiết vào màn hình và máy tính của bạn, (Xem [Kết Nối Màn Hình Của Bạn](#) về lắp cáp,) sắp xếp tất cả các loại cáp như minh họa ở trên.

## Tháo Chân Đế Màn Hình

-  **CHÚ Ý:** Để ngăn ngừa xước màn hình LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên bề mặt sạch, mềm.
-  **CHÚ Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.



Để tháo chân đế:

- 1 Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
- 2 Nhấn và giữ nút nhả chân đế.
- 3 Nhấc chân đế ra khỏi màn hình.

## Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.

- 1 Đặt khung màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- 2 Tháo chân đế.
- 3 Sử dụng một tuốc nơ vít Phillips đầu tròn để tháo bốn vít bảo vệ nắp nhựa.
- 4 Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
- 5 Lắp màn hình lên tường bằng cách làm theo các hướng dẫn đi kèm với bộ giá đỡ treo tường.




**CHÚ Ý:** Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL, có khả năng chịu trọng lượng/tải tối thiểu 2,81 kg (P2217H)/3,06 kg (P2317H/P2317HWH)/3,33 kg (P2417H)/4,58 kg (P2717H).

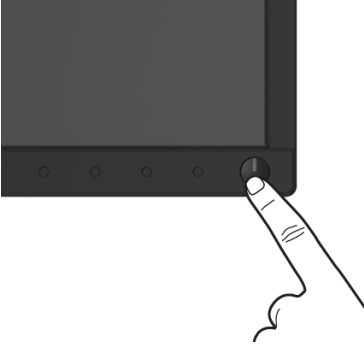


# Sử Dụng Màn Hình

---

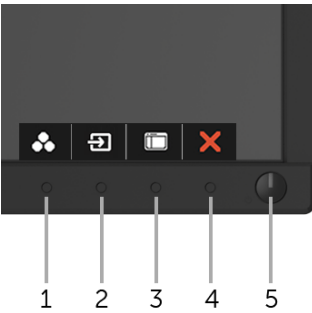
## Bật Nguồn Màn Hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








## Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước

Sử dụng các nút điều khiển trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các đặc điểm của ảnh đang được hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh các điều khiển, OSD sẽ hiện các giá trị số về những đặc điểm khi chúng thay đổi.

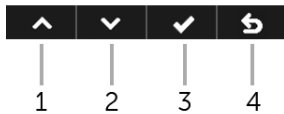




Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:


| Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước  | Mô tả  |
|---|--|
| 1<br><br>Phím tắt/<br>Preset Modes (Chế Độ<br>Cài Đặt Trước) | Sử dụng nút này để lựa chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.   |
| 2<br><br>Phím tắt/Input Source<br>(Nguồn Đầu Vào)            | Dùng nút này để chọn từ danh sách các tín hiệu video có thể được kết nối với màn hình của bạn.   |
| 3<br><br>Menu  | Sử dụng nút <b>MENU</b> để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn Menu OSD. Xem <a href="#">Truy Cập Hệ Thống Menu</a> .   |
| 4<br><br>Thoát   | Sử dụng nút này để quay trở lại menu chính hoặc thoát menu chính OSD.  |
| 5<br><br>Nguồn<br>(có đèn báo nguồn)                         | Sử dụng nút <b>Nguồn</b> để <b>Bật</b> và <b>Tắt</b> màn hình.<br>Đèn trắng cho biết màn hình là <b>Bật</b> và hoạt động hoàn toàn.<br>Đèn trắng nhấp nháy báo hiệu chế độ tiết kiệm điện. |

## Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước


Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình ảnh.



| Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước  | Mô tả   |
|---|---|
| 1<br><br>Lên   | Sử dụng nút <b>Lên</b> để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.   |
| 2<br><br>Xuống | Sử dụng nút <b>Xuống</b> để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD. |

3  Sử dụng vào nút **OK** để xác nhận lựa chọn trong menu OSD.


**OK**


4  Sử dụng nút **Quay lại** để trở lại menu trước.

**Quay lại**

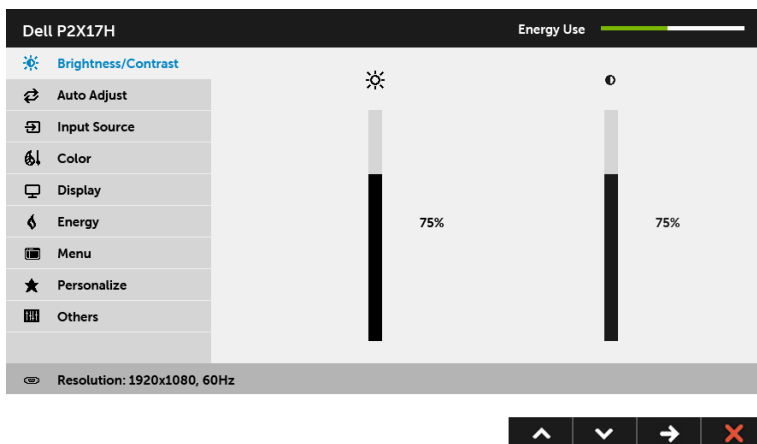
## Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

### Truy Cập Hệ Thống Menu

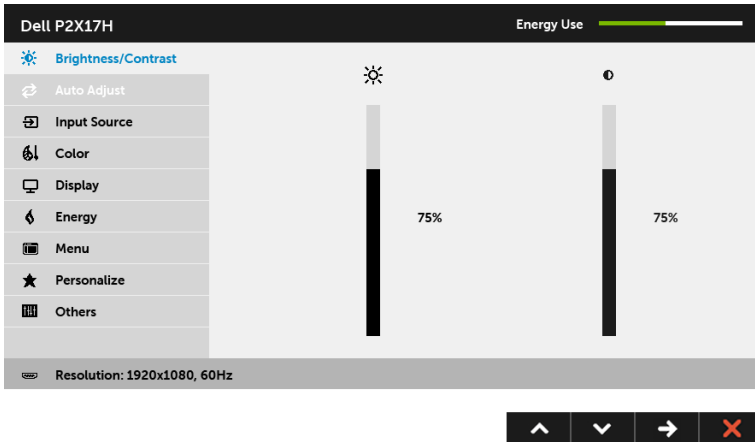
 **CHÚ Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

1 Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.

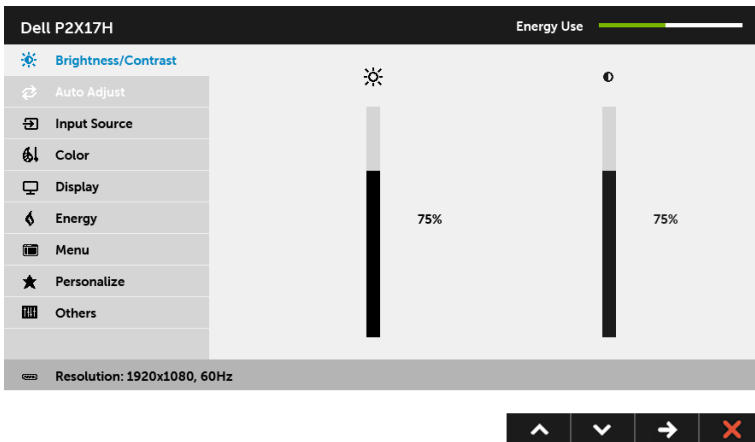
### Menu Chính cho vào analog (VGA)








## Menu Chính cho vào (HDMI) số




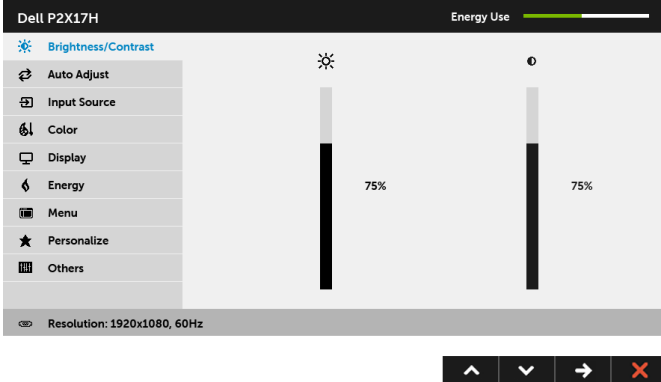
## Menu Chính cho vào (DP) số



**CHÚ Ý: Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** chỉ có khi bạn đang dùng đầu nối analog (VGA).

- 2 Nhấn nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật. Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ của tất cả các tùy chọn có sẵn cho màn hình.
- 3 Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu nổi bật.
- 4 Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.

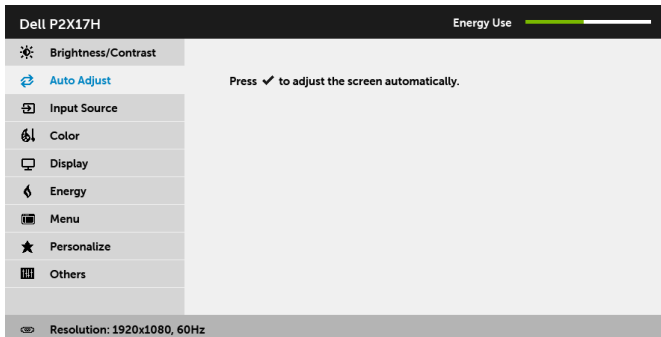
- Nhấn **→** để vào thanh trượt và sau đó sử dụng các nút **▲** và **▼**, theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
- Chọn nút **↶** để quay trở lại menu chính.

| Biểu tượng   | Menu và Menu phụ   | Mô tả  |
|--|--|--|
|  | <b>Brightness/Contrast</b><br>(Độ sáng/Độ tương phản)  | <p>Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh <b>Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b>.</p>  |
| <b>Brightness (Độ sáng)</b>  | <p><b>Brightness (Độ sáng)</b> điều chỉnh độ sáng của đèn nền.</p> <p>Nhấn nút <b>▲</b> để tăng độ sáng và nhấn nút <b>▼</b> để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).</p> <p><b>CHÚ Ý:</b> Điều chỉnh bằng tay <b>Brightness (Độ sáng)</b> bị tắt khi <b>Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)</b> được chuyển sang Bật.</p>  |  |
| <b>Contrast (Độ tương phản)</b>  | <p>Trước tiên, điều chỉnh <b>Brightness (Độ sáng)</b>, sau đó điều chỉnh <b>Contrast (Độ tương phản)</b> chỉ khi cần điều chỉnh thêm.</p> <p>Nhấn nút <b>▲</b> để tăng độ tương phản và nhấn nút <b>▼</b> để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).</p> <p>Chức năng <b>Contrast (Độ tương phản)</b> điều chỉnh mức độ khác nhau giữa độ tối và độ sáng trên màn hình.</p> |  |



## Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)

Ngay cả khi máy tính của bạn nhận ra màn hình của bạn khi khởi động, chức năng **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** tối ưu hóa các cài đặt hiển thị để sử dụng với thiết lập riêng của bạn.



**Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** cho phép màn hình tự điều chỉnh theo tín hiệu video truyền tới. Sau khi sử dụng **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)**, bạn có thể tinh chỉnh thêm cho màn hình bằng cách sử dụng các điều khiển **Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)** (Thô) và **Phase (Pha)** (Nét) dưới phần Cài Đặt **Display (Hiển Thị)**.



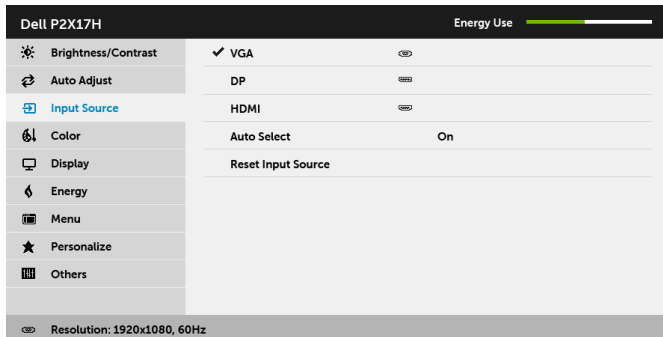
**CHÚ Ý:** Trong hầu hết các trường hợp, **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** tạo ra ảnh đẹp nhất cho cấu hình của bạn.

**CHÚ Ý:** Biểu tượng **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** chỉ có khi bạn đang sử dụng đầu nối analog (VGA).




## Input Source (Nguồn Đầu Vào)


Sử dụng menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.




### VGA

Chọn đầu vào **VGA** khi bạn sử dụng đầu nối analog (VGA). Sử dụng  để chọn nguồn đầu vào VGA.

### DP

Chọn đầu vào **DP** khi bạn sử dụng đầu nối DisplayPort (DP). Nhấn  để chọn nguồn đầu vào DisplayPort.

### HDMI

Chọn đầu vào **HDMI** khi bạn sử dụng đầu nối HDMI. Sử dụng  để chọn nguồn đầu vào HDMI.

### Auto Select (Chọn Tự Động)

Bật chức năng này sẽ cho phép bạn quét tìm các nguồn đầu vào có sẵn.

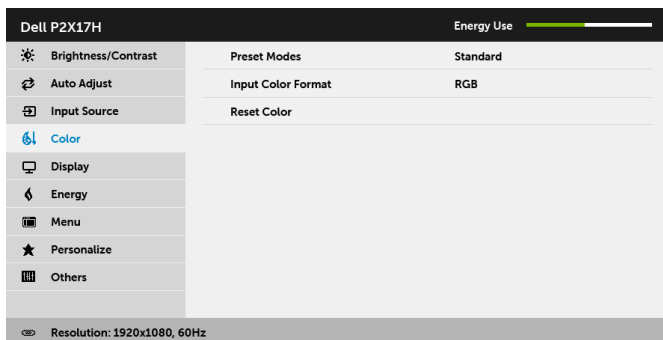
### Reset Input Source (Đặt Lại Nguồn Đầu Vào)

Đặt lại cài đặt đầu vào của màn hình của bạn về cài đặt gốc.



## Color (Màu)



Sử dụng **Color (Màu)** để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.

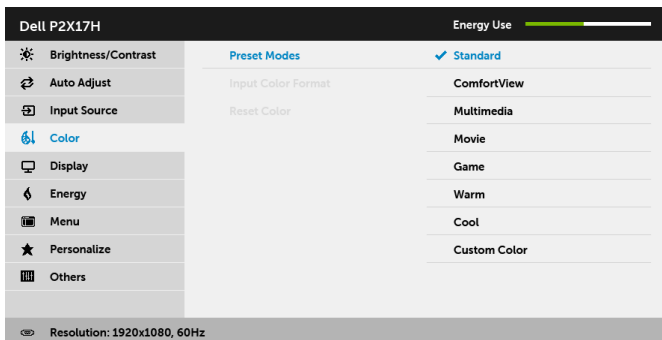


## Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)

Khi bạn chọn **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, bạn có thể chọn **Standard (Tiêu Chuẩn)**, **ComfortView**, **Multimedia (Đa Phương Tiện)**, **Movie (Phim)**, **Game (Trò chơi)**, **Warm (Ấm)**, **Cool (Mát)**, hoặc **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)** từ danh sách.

- **Standard (Tiêu Chuẩn)**: Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.
- **ComfortView**: Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để xem thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn.
- **Multimedia (Đa Phương Tiện)**: Tải cài đặt màu lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Movie (Phim)**: Tải cài đặt màu lý tưởng cho phim.
- **Game (Trò chơi)**: Tải cài đặt màu lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi trò chơi.
- **Warm (Ấm)**: Tăng nhiệt độ màu. Màn hình có vẻ ấm hơn với sắc màu đỏ/vàng.
- **Cool (Mát)**: Giảm nhiệt độ màu. Màn hình có vẻ mát hơn với sắc màu xanh.
- **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)**: Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu.

Sử dụng nút  và  để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra tùy chỉnh màu cài đặt trước của riêng bạn.





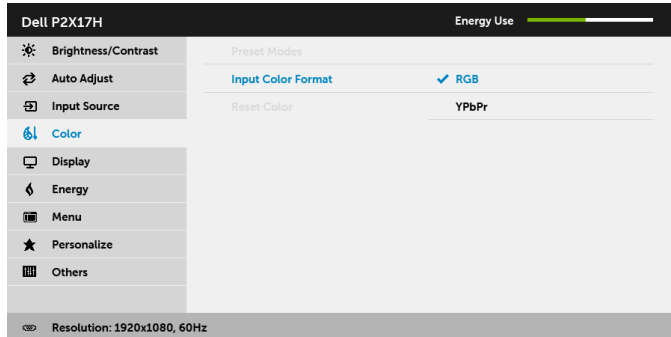
---

## Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào)



Cho phép bạn thiết lập chế độ đầu vào video sang:


**RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu DVD) bằng cáp DP hoặc HDMI.


**YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu trình phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.



---

**Hue (Màu sắc)** Tính năng này có thể thay đổi màu của hình ảnh video sang màu xanh lá cây hoặc màu tím. Được sử dụng để điều chỉnh tông màu nhẹ nhàng theo mong muốn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh màu sắc từ '0' sang '100'.



Sử dụng  để tăng màu xanh lá của hình ảnh video.


Sử dụng  để tăng màu tím của hình ảnh video.


**CHÚ Ý:** Chính **Hue (Màu sắc)** chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước **Movie (Phim)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

---

**Saturation (Độ bão hòa)** Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hòa màu của hình ảnh video.

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hòa từ '0' sang '100'.

Sử dụng  để tăng màu sắc của hình ảnh video.

Sử dụng  để tăng màu đơn sắc của hình ảnh video.

**CHÚ Ý:** **Saturation (Độ bão hòa)** chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước **Movie (Phim)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

---

## Reset Color (Đặt Lại Màu)

Đặt lại cài đặt màu của màn hình của bạn về cài đặt gốc.

---



## Display (Hiện Thị)

Sử dụng **Display (Hiện Thị)** để điều chỉnh ảnh.

| Dell P2X17H |                     | Energy Use                |
|-------------|---------------------|---------------------------|
|             | Brightness/Contrast | Aspect Ratio<br>Wide 16:9 |
|             | Auto Adjust         | Horizontal Position<br>50 |
|             | Input Source        | Vertical Position<br>50   |
|             | Color               | Sharpness<br>50           |
|             | Display             | Pixel Clock<br>50         |
|             | Energy              | Phase<br>50               |
|             | Menu                | Dynamic Contrast          |
|             | Personalize         | Response Time<br>Normal   |
|             | Others              | Reset Display             |

Resolution: 1920x1080, 60Hz



### Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)

Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang **Wide 16:9 (Rộng 16:9)**, **4:3**, hoặc **5:4**.

#### Horizontal Position (Vị Trí Ngang)

Sử dụng hoặc để điều chỉnh ảnh trái hoặc phải. Tối thiểu là '0' (-).

Tối đa là '100' (+).

#### Vertical Position (Vị Trí Dọc)

Sử dụng hoặc để điều chỉnh ảnh lên hoặc xuống. Tối thiểu là '0' (-).

Tối đa là '100' (+).

**CHÚ Ý:** Điều chỉnh **Horizontal Position (Vị Trí Ngang)** và **Vertical Position (Vị Trí Dọc)** chỉ có cho đầu vào "VGA".

#### Sharpness (Độ Nét)

Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm hơn.

Sử dụng hoặc để điều chỉnh độ nét từ '0' sang '100'.

#### Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)

Điều chỉnh **Phase (Pha)** và **Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)** cho phép bạn điều chỉnh màn hình theo ý thích.

Sử dụng hoặc để điều chỉnh cho chất lượng hình ảnh tốt nhất.

#### Phase (Pha)

Nếu không thu được kết quả khả quan bằng cách sử dụng điều chỉnh **Phase (Pha)**, hãy sử dụng điều chỉnh **Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)** (thô) và sau đó sử dụng lại **Phase (Pha)** (nét).

**CHÚ Ý:** Các điều chỉnh **Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)** và **Phase (Pha)** chỉ có với đầu vào "VGA".

---

### Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)

Cho phép bạn tăng mức tương phản để ảnh có chất lượng chi tiết hơn và sắc nét hơn.

Sử dụng nút  để bật hoặc tắt **Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)**.

**CHÚ Ý:** **Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)** cung cấp tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài đặt sẵn **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**.

---

### Response Time (Thời Gian Phản Hồi)

Cho phép bạn đặt **Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sang **Normal (Bình thường)** hoặc **Fast (Nhanh)**.

---

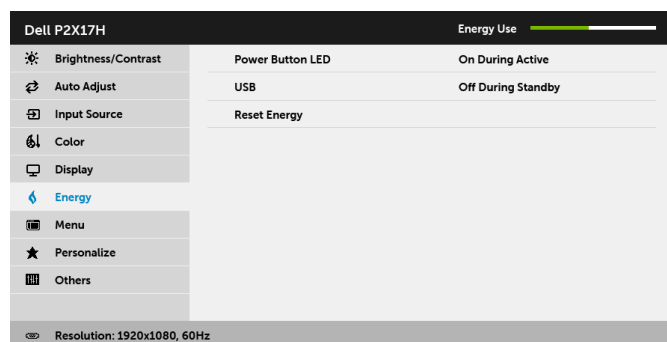
### Reset Display (Cài Đặt Lại Hiển Thị)

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt hiển thị mặc định.

---



### Energy (Năng Lượng)



---

### Power Button LED (Đèn LED Nút Nguồn)

Cho phép bạn đặt Bật hoặc Tắt đèn LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.

#### USB

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB trong chế độ chờ màn hình.

**CHÚ Ý:** **BẬT/TẮT USB** trong chế độ chờ chỉ có sẵn khi cáp lên USB được rút. Tùy chọn này sẽ có màu xám khi cáp lên USB được cắm vào.

---

### Reset Energy (Đặt Lại Năng Lượng)

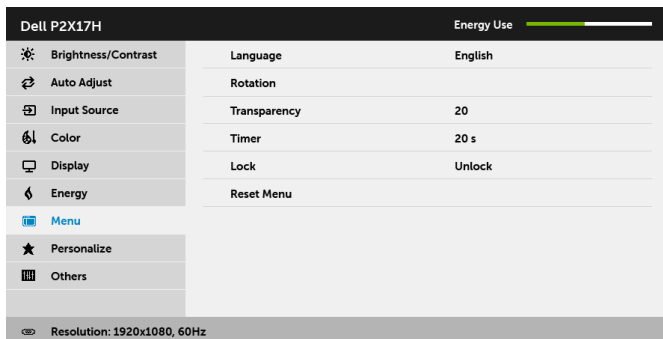
Chọn tùy chọn này để khôi phục cài đặt **Energy (Năng Lượng)** mặc định.

---



## Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.





### Language (Ngôn ngữ)

Các tùy chọn **Language (Ngôn ngữ)** đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha gốc Braxin, Nga, Tiếng Trung Quốc giản thể, hay Nhật Bản).

### Rotation (Xoay)



Xoay OSD 90 độ ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể điều chỉnh menu theo [Xoay Màn Hình](#) của bạn.

### Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách nhấn các nút  và  (tối thiểu 0/tối đa 100).

### Timer (Hẹn giờ)

Cho phép bạn thiết lập thời gian cho OSD vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn một nút trên màn hình.

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

### Lock (Khóa)

Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh. Khi **Lock (Khóa)** được chọn, người dùng không được phép điều chỉnh. Tất cả các nút đều bị khóa.

#### CHÚ Ý:

Chức năng **Unlock (Mở khóa)** – Chỉ mở khóa cứng (nhấn và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 6 giây).

Chức năng **Lock (Khóa)** – Dù là khóa mềm (thông qua menu OSD) hoặc khóa cứng (nhấn và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 6 giây).

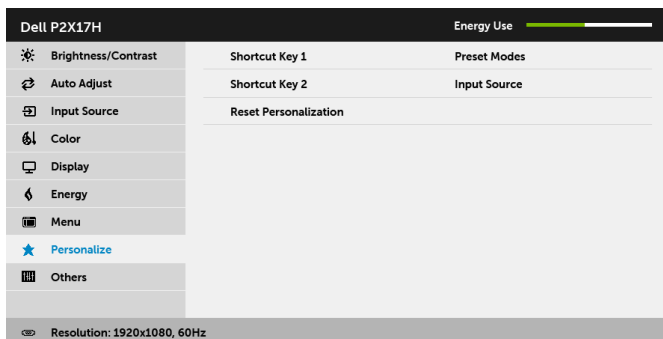
### Reset Menu (Đặt Lại Menu)

Đặt lại cả các cài đặt OSD về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



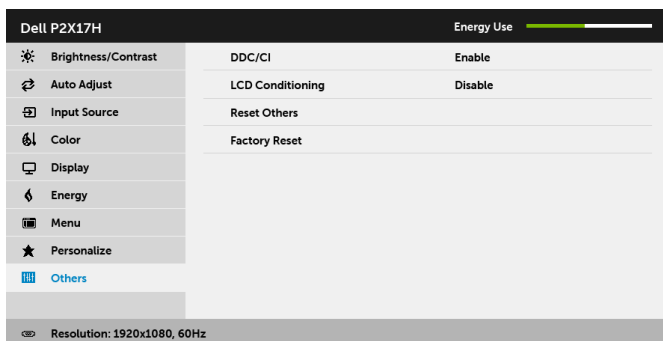
## Personalize (Cá nhân hóa)

Người dùng có thể chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)** hoặc **Rotation (Xoay)** và đặt nó làm phím tắt.



## Others (Khác)

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh cài đặt OSD, như **DDC/CI**, **LCD Conditioning (Điều Tiết LCD)**, và v.v...

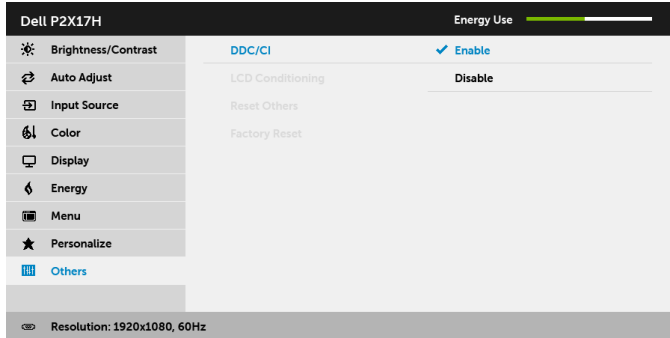


## DDC/CI

**DDC/CI** (Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, và vv) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn.

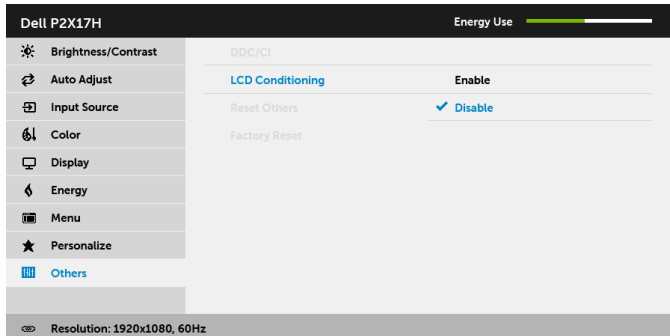
Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Disable (Đóng)**.

Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



## LCD Conditioning (Điều Tiết LCD)

Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **Enable (Mở)**.



## Reset Others (Đặt lại khác)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Others (Khác)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

## Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)

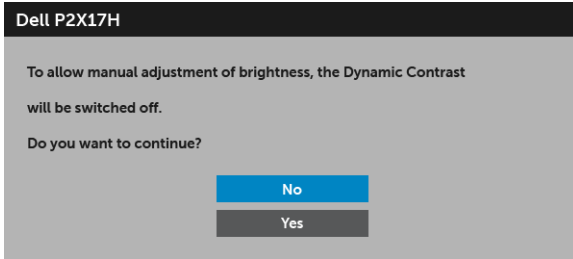
Đặt lại cả các cài đặt về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



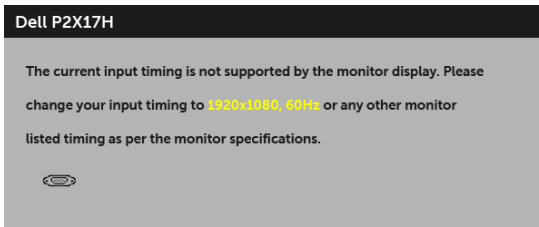
**CHÚ Ý:** Màn hình này có tích hợp tính năng tự động hiệu chỉnh độ sáng để bù đắp cho sự lão hóa đèn LED.

## Thông Báo Cảnh Báo OSD

Khi tính năng **Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)** được bật (trong các chế độ cài đặt trước này: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**, điều chỉnh độ sáng bằng tay bị vô hiệu.

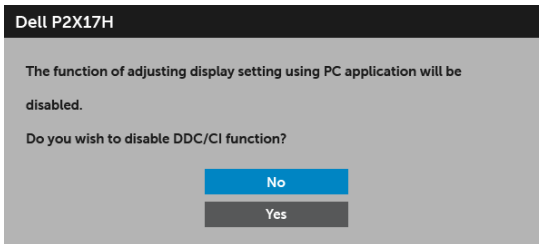


Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:



Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông Số Màn Hình](#) để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ khuyến dùng là 1920 x 1080.

Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng DDC/CI bị tắt:

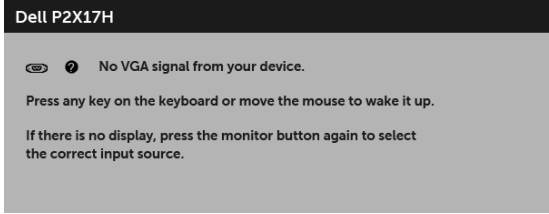


Khi màn hình vào chế độ tiết kiệm điện, thông báo sau sẽ xuất hiện:



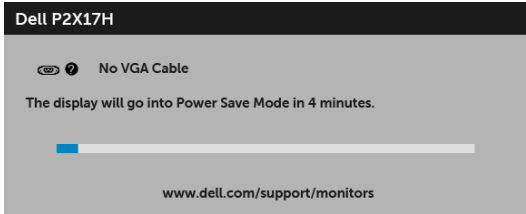
Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập vào [OSD](#).

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, thông báo sau sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:

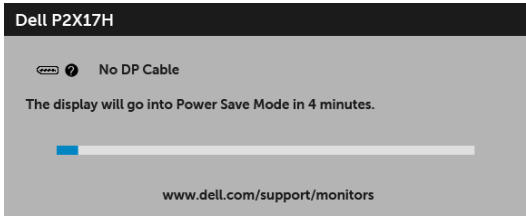


**CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

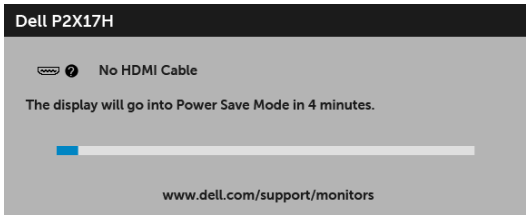
Nếu đầu vào VGA, HDMI, hoặc DP được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây sẽ xuất hiện.



hoặc



hoặc



Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.



# Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows® 7, Windows® 8, và Windows® 8.1:

- 1 Chỉ với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
- 3 Nhấp vào danh sách Thẻ Xuống của Độ Phân Giải Màn Hình và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Nhấp vào **OK**.

Trong Windows® 10:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thiết đặt màn hình**.
- 2 Nhấp vào **Thiết đặt hiển thị nâng cao**.
- 3 Nhấp vào danh sách của **Độ phân giải** và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn 1920 x 1080, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Đi đến <http://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (di động hoặc để bàn):

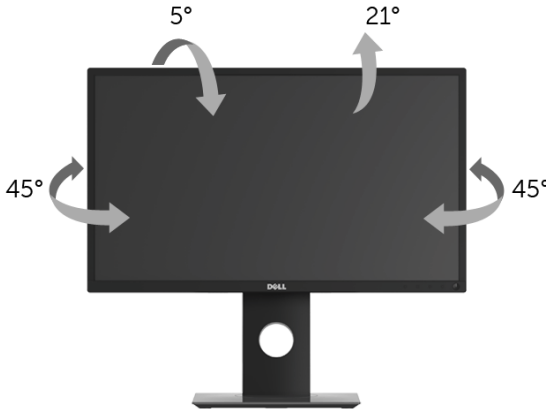
- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web các đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.

# Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng

**CHÚ Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

## Nghiêng, Xoay

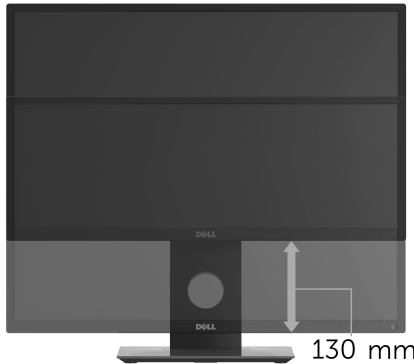
Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



**CHÚ Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

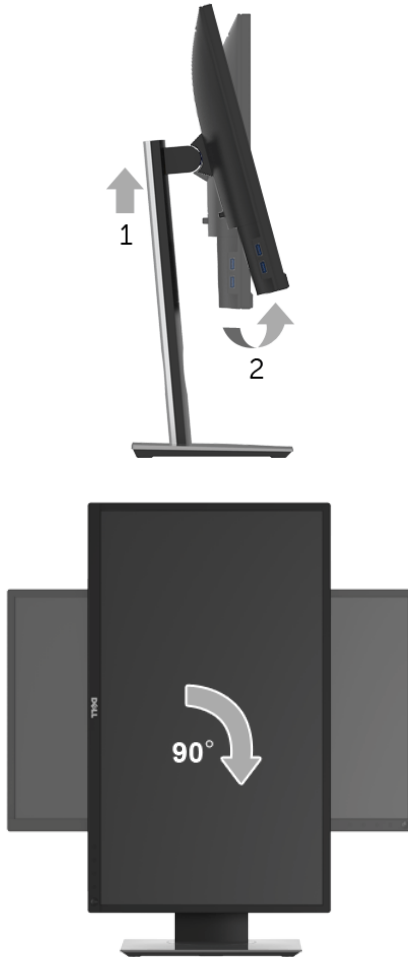
## Kéo Thẳng

**CHÚ Ý:** Chân đế kéo thẳng đến 130 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo thẳng chân đế.



# Xoay màn hình

Trước khi xoay màn hình, phải kéo thẳng màn hình hoàn toàn (**Kéo Thẳng**) và nghiêng hoàn toàn để tránh va vào cạnh dưới của màn hình.




**CHÚ Ý:** Để sử dụng chức năng Xoay Hiển Thị (giao diện Phong cảnh ngược với Chân dung) với máy tính Dell, bạn cần có trình điều khiển đồ họa cập nhật không kèm theo màn hình này. Để tải về trình điều khiển đồ họa, đi đến [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support) và xem phần **Tài xuống** của **Trình điều khiển Video** để có các bản cập nhật trình điều khiển mới nhất.

**CHÚ Ý:** Khi ở trong **Chế Độ Giao Diện Chân Dung**, bạn có thể gặp hiện tượng suy giảm hiệu suất trong các ứng dụng đồ họa chuyên sâu (Chơi game 3D và vv).


# Điều Chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay Cho Hệ Thống Của Bạn

Sau khi bạn đã xoay màn hình, cần phải hoàn thành các bước dưới đây để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay cho hệ thống của bạn.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn đang sử dụng màn hình với máy tính không phải là máy Dell, thì bạn cần phải đi đến trang web trình điều khiển đồ họa hoặc trang web của nhà sản xuất máy tính của bạn để biết thông tin về việc xoay 'nội dung' trên màn hình của bạn.

Để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thuộc tính**.
- 2 Chọn tab **Thiết đặt** và nhấp vào **Chuyên sâu**.
- 3 Nếu bạn có các đồ họa ATI, chọn tab **Xoay** và đặt kiểu xoay ưa thích.
- 4 Nếu bạn có các đồ họa nVidia, nhấp vào tab **nVidia**, ở cột tay trái, chọn **NVRotate**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.
- 5 Nếu bạn có các đồ họa Intel<sup>®</sup>, chọn tab đồ họa **Intel**, nhấp vào **Thuộc Tính Đồ Họa**, chọn tab **Xoay**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn xoay hoặc nó không hoạt động tốt, đi đến [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support) và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

# Xử lý sự cố

---



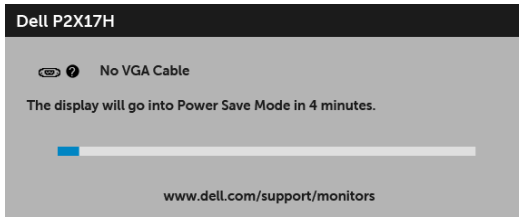
**CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo Hướng Dẫn Về An Toàn.

## Tự kiểm tra

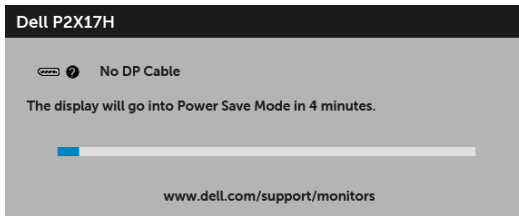
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

- 1 Tắt cả máy tính và màn hình.
- 2 Ngắt kết nối cáp video khỏi phía sau máy tính.
- 3 Bật màn hình.

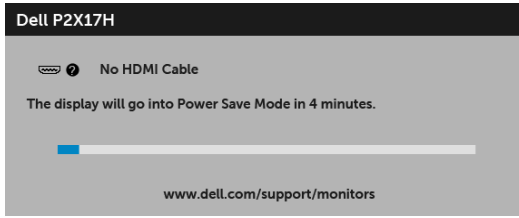
Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy thuộc vào đầu vào được chọn, một trong các hộp thoại được hiển thị dưới đây sẽ tiếp tục cuộn qua màn hình.



hoặc



hoặc



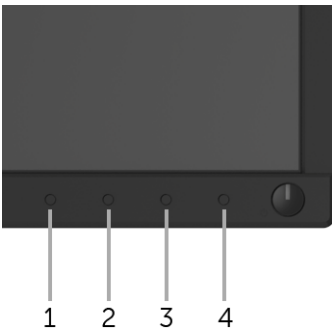
- Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
- Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình. Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.

## Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và các video.



**CHÚ Ý:** Bạn có thể chạy chẩn đoán tích hợp chỉ khi cáp video được rút bỏ và màn hình đang ở chế độ *tự kiểm tra*.



Để chạy chẩn đoán tích hợp:

- Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
- Ngắt kết nối (các) cáp video khỏi phía sau máy tính hoặc màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
- Nhấn và giữ **Nút 1** trên bảng điều khiển phía trước trong 5 giây. Màn hình xám sẽ xuất hiện.
- Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
- Nhấn lại vào **Nút 1** trên bảng điều khiển phía trước. Màu màn hình đổi sang màu đỏ.
- Kiểm tra bất thường của màn hình hiển thị.
- Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu xanh lá cây, xanh dương, đen, trắng và màn hình văn bản.

Việc kiểm tra hoàn tất khi màn hình vẫn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn lại **Nút 1**.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào ở màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, thì màn hình vẫn hoạt động tốt. Kiểm tra các màn hình và máy tính.

## Vấn Đề Thường Gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

| Các Triệu Chứng Thường Gặp         | Vấn Đề Bạn Gặp Phải                | Giải Pháp Có Thể Áp Dụng   |
|------------------------------------|------------------------------------|--|
| Không có video / đèn LED nguồn tắt | Không có ảnh                       | <ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li><li>• Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn Đầu Vào)</a>.</li></ul>                            |
| Không có video / đèn LED nguồn bật | Không có ảnh hoặc không có độ sáng | <ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li><li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li><li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn Đầu Vào)</a>.</li></ul>      |
| Lấy Nét Kém                        | Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ   | <ul style="list-style-type: none"><li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li><li>• Chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> qua OSD.</li><li>• Bỏ các cáp video nối dài.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.</li></ul>                      |
| Video bị rung/động                 | Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ | <ul style="list-style-type: none"><li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li><li>• Chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> qua OSD.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.</li></ul>                         |
| Thiếu Điểm Ảnh                     | Màn hình LCD có các đốm            | <ul style="list-style-type: none"><li>• Tắt-bật lại nguồn.</li><li>• Điểm ảnh mà bị Tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li></ul> |

|                                  |   |   |
|----------------------------------|---|---|
| Điểm ảnh bị bám                  | Màn hình LCD có các đốm sáng                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt-bật lại nguồn.</li> <li>Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li> </ul>  |
| Vấn Đề Về Độ Sáng                | Ảnh mờ hoặc quá sáng                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li> </ul>   |
| Méo Hình                         | Màn hình không được cân giữa chính xác      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh điều khiển ngang và dọc qua OSD.</li> </ul> <p><b>CHÚ Ý:</b> Khi sử dụng đầu vào HDMI/DisplayPort, không sử dụng được điều chỉnh vị trí.</p>  |
| Đường Kẻ Ngang/Dọc               | Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li> <li>Chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> qua OSD.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul> <p><b>CHÚ Ý:</b> Khi sử dụng đầu vào HDMI/DisplayPort, không sử dụng được điều chỉnh <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> và <b>Phase (Pha)</b>.</p> |
| Vấn Đề Về Đồng Bộ                | Màn hình bị xô lệch hoặc có vệt như bị rách | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li> <li>Chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> qua OSD.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>Khởi động lại máy tính trong <i>chế độ an toàn</i>.</li> </ul>  |
| Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn | Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào.</li> <li>Liên hệ với Dell ngay.</li> </ul>  |
| Các Vấn Đề Chập Chờn             | Chập chờn khi bật và tắt màn hình           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> </ul>   |



|   |  |   |
|---|--|---|
| Thiếu Màu   | Ảnh thị thiếu màu                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> </ul>                                       |
| Sai Màu   | Màu ảnh không tốt                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi cài đặt của <b>Preset Modes (Chế độ cài đặt sẵn)</b> trong OSD menu <b>Màu</b> tùy thuộc vào ứng dụng.</li> <li>Điều chỉnh giá trị R/G/B trong <b>Màu Tùy Chỉnh</b> trong OSD menu <b>Color (Màu)</b>.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul> |
| Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài | Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> <li>Luôn sử dụng tính năng Quản Lý Điện để tắt màn hình khi không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Chế Độ Quản Lý Điện</a>).</li> <li>Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi.</li> </ul>  |

## Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm

| Triệu Chứng Cụ Thể  | Vấn Đề Bạn Gặp Phải   | Giải Pháp Có Thể Áp Dụng   |
|---|---|--|
| Hình ảnh màn hình quá nhỏ   | Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem | <ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra cài đặt <b>Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)</b> trong OSD menu <b>Display (Hiển Thị)</b>.</li> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> </ul>  |
| Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước | OSD không xuất hiện trên màn hình                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình.</li> <li>Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa không. Nếu có, nhấn và giữ nút phía trên nút Nguồn trong 6 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Lock (Khóa)</a>).</li> </ul>  |
| Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng                  | Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím.</li> <li>Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li> <li>Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.</li> </ul> |
| Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình                                   | Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>   |



**CHÚ Ý:** Khi chọn chế độ HDMI/DP, sẽ không có chức năng **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)**.

# Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

| Triệu Chứng Cụ Thể  | Vấn Đề Bạn Gặp Phải   | Giải Pháp Có Thể Áp Dụng   |
|---|---|--|
| Cổng USB không hoạt động  | Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động   | <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra để màn hình của bạn đã được bật.</li><li>• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.</li><li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống).</li><li>• Tắt rồi bật lại màn hình.</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li><li>• Một số thiết bị USB như ổ HDD di động gắn ngoài đòi hỏi có dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp vào hệ thống máy tính.</li></ul> |
| Cổng USB 3.0 tốc độ cực nhanh bị chậm   | Thiết bị ngoại vi USB 3.0 tốc độ cực nhanh chạy chậm hoặc không chạy chút nào                                 | <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra xem máy tính của bạn có chạy được USB 3.0 không.</li><li>• Một số máy tính có các cổng USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.</li><li>• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.</li><li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống).</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li></ul>  |
| Thiết bị ngoại vi USB không dây ngừng làm việc khi có thiết bị USB 3.0 được cắm vào | Thiết bị ngoại vi USB không dây đáp ứng chậm hoặc chỉ hoạt động nếu giảm khoảng cách giữa nó và bộ thu của nó | <ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.0 và bộ nhận USB không dây.</li><li>• Đặt bộ thu USB không dây của bạn càng gần các thiết bị ngoại vi USB không dây càng tốt.</li><li>• Sử dụng cáp USB mở rộng để đặt bộ thu USB không dây càng xa cổng USB 3.0 càng tốt.</li></ul>   |

# Phụ Lục

---

## CẢNH BÁO: Hướng Dẫn Về An Toàn



**CẢNH BÁO:** Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về An Toàn, Môi Trường Và Quy Định (SERI).

## Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).



**CHÚ Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors)
- Liên hệ Dell — [www.dell.com/contactdell](http://www.dell.com/contactdell)